TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 530/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26/9/2018
Về "Tranh chấp về xác định cha cho con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thụy Thanh Thảo

2. Ông Nguyễn Văn Hóa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quốc Thiên Hương – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 *tham gia phiên tòa:*

Bà Trương Võ Thùy Dung – Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án dân sự thụ lý số 696/2016/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2016 về "Tranh chấp về xác định cha cho con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: phường H, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: phường HB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn B - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 23/11/2016); có mặt;

2. Bị đơn: Ông Đặng Bảo N, sinh năm 1983; địa chỉ làm việc: đường L, Phường M, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: đường T, Phường MB, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Đỗ Thị H và ông Đặng Bảo N quen biết và chung sống với nhau từ tháng 11/2015. Sau khi về nhà ông N dịp Tết âm lịch năm 2016, bà H phát hiện bà mang thai. Trong thời gian đó, bà H sống cùng ông N và gia đình em trai ông N. Tháng 3/2016, ông N đưa bà H đi phá thai ở bệnh viện. Sau khi ông N làm các thủ tục xong thì bà H đổi ý không muốn phá thai. Kể từ đó, giữa bà H và ông N luôn xảy ra mâu thuẫn do ông N không chung thủy, bà H nhiều lần bị những bạn gái của ông N đánh ghen. Khi thai được 07 tháng, gia đình bà H và gia đình ông N có gặp mặt nói chuyện và hai gia đình đã ký nhận vào bản cam kết. Theo bản cam kết ngày

21/7/2016, ông N cam kết chu cấp và lo cho bà H đi khám thai, sinh nở, nuôi con nhưng ông N không thực hiện, ngược lại ông N còn sỉ nhục, lăng mạ, xúc phạm bà H.

Ngày 10/10/2016, bà H sinh một bé gái đặt tên Đỗ Bảo K, trong khai sinh của trẻ K không có tên cha do bà H và ông N không đăng ký kết hôn và ông N không thừa nhận trẻ K là con. Nay, bà H khởi kiện yêu cầu xác định ông N là cha của trẻ K, đồng thời yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi trẻ K mỗi tháng 2.000.000 đồng, việc cấp dưỡng sẽ được thực hiện vào ngày 01 dương lịch hàng tháng.

Trong bản tự khai, biên bản làm việc và các biên bản hòa giải bị đơn trình bày:

Ông N xác nhận có quan hệ tình cảm với bà Đỗ Thị H, hai người cùng là nhân viên của Ngân hàng TMCP Quốc Dân.

Ông không đồng ý việc giám định ADN để xác định cha cho con với trẻ Đỗ Bảo K vì sợ ảnh hưởng không tốt với trẻ K sau này. Ông xác nhận trẻ Đỗ Bảo K là con chung của ông và bà H, hàng tháng ông sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông đề nghị bà H không có những tin nhắn cũng như những hành động quậy phá đời sống riêng tư, hoặc bôi nhọ danh dự làm ảnh hưởng đến công việc của ông. Ông sẽ ra Ủy ban nhân dân phường làm Giấy khai sinh cho trẻ K trong vòng 30 ngày kể từ ngày 05/10/2017. Nếu ông N chứng minh được bà H lại tiếp tục có những hành động quậy phá đời sống riêng tư hoặc bôi nhọ danh dự cũng như làm ảnh hưởng đến công việc, cuộc sống của ông thì ông yêu cầu bà H từ chối quyền nuôi con, ông N sẽ là người trực tiếp nuôi trẻ K, ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Đến buổi hòa giải ngày 06/11/2017, ông N không thừa nhận trẻ K là con của ông do bà H đã có những hành động làm ảnh hưởng đến danh dự và uy tín của ông. Đồng thời ông N không đồng ý giám định ADN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Quận 11, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; nguyên đơn đã thực đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, Thẩm phán vẫn chưa đảm bảo thực hiện đúng theo quy định các hoạt động tố tụng sau:

- Tòa án giải quyết việc:“ Tranh chấp xác định cha cho con” theo đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị H, đây là trường hợp miễn án phí theo qui định của Pháp lệnh quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã thông báo cho bà Đỗ Thị H nộp tiền tạm ứng án phí là vi phạm quy định của pháp luật.

- Việc ban hành quyết định phân công Thẩm phán vi phạm thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 191 BLTTDS; gửi Thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn chưa đảm bảo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 196 BLTTDS năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà H cung cấp hình ảnh chứng minh mối quan hệ tình cảm giữa bà và ông N. Tuy nhiên, xét thấy mối quan hệ trong đời sống xã hội giữa ông N, bà H không phải là chứng cứ để xác định mối quan hệ cha con mà phải dựa trên sơ sở khoa học là giám định ADN mới có cơ sở để chứng minh mối quan hệ huyết thống cha con. Ngày 21/7/2016 bà H,

ông N ký giấy cam kết trong đó có nội dung ông N có trách nhiệm với con chung, chu cấp và lo cho bà H đi khám thai, sinh nở, nuôi con. Tuy nhiên, sau đó ông N không thừa nhận việc có con chung với bà H. Tại biên bản hòa giải ngày 06 tháng 11 năm 2017 ông N không thừa nhận trẻ Đỗ Bảo K là con của ông và cũng không đồng ý giám định ADN. Do đó, không có cơ sở để chứng minh mối quan hệ huyết thống cha con giữa ông N và trẻ K. Do vậy, yêu cầu của bà H về việc xác định ông N là cha của trẻ Đỗ Bảo K là không có sơ sở chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Đỗ Thị H khởi kiện "Tranh chấp về xác định cha cho con" đối với ông Đặng Bảo N; thời điểm thụ lý vụ án ông N làm việc tại Ngân hàng D; địa chỉ: đường L, Phường M, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án nhân dân Quận 11 đã tiến hành tống đạt, triệu tập hợp lệ ông Đặng Bảo N tham gia phiên tòa ngày 06/9/2018 và ngày 26/9/2018 nhưng ông N vắng mặt. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, có cơ sở để xác định rằng:

Bà Đỗ Thị H và ông Đặng Bảo N cùng làm việc tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân. Cả hai đã có quan hệ tình cảm và chung sống với nhau từ tháng 11/2015. Ngày 10/10/2016, bà H sinh trẻ Đỗ Bảo K. Tuy nhiên trẻ K không được ông N thừa nhận là con.

Tại buổi hòa giải ngày 12/5/2017, ông N đồng ý tiến hành giám định ADN với trẻ K để xác định mối quan hệ cha con. Sau khi nhận Quyết định Trưng cầu giám định ông N lại không đồng ý đi giám định. Ngày 05/10/2017, Tòa án tiến hành làm việc với ông N và bà H; tại buổi làm việc ông N thừa nhận ông là cha của trẻ K ông sẽ đến Ủy ban phường làm Giấy khai sinh cho trẻ K, ông không đồng ý giám định ADN vì sợ ảnh hưởng không tốt đến trẻ K sau này. Tuy nhiên, vào lần hòa giải ngày 06/11/2017 thì ông N lại không thừa nhận trẻ K là con vì bà H đã có những hành động xúc phạm làm ảnh hưởng đến danh dự và uy tín của ông.

Qua các sự việc vừa nêu có cơ sở xác định giữa bà H và ông N có khoảng thời gian chung sống từ tháng 11/2015. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông N lúc thì không thừa nhận trẻ K là con, lúc thì lại thừa nhận. Và lý do ông N không thừa nhận trẻ K là con không phải vì trẻ K không phải là con của ông mà do bà H đã có những hành động làm ảnh hưởng đến ông.

Phía bà H đã cung cấp hình ảnh cả hai cùng đi chơi; Biên bản cam kết dân sự giữa bà H và ông N ngày 21/7/2016 (trước khi bà H sinh trẻ K) về việc ràng buộc trách nhiệm của ông N quá trình bà H mang thai và sinh con, Giấy đề nghị phá thai ngày 05/3/2016… tất cả đều có chữ ký của ông N. Kèm theo các chứng cứ do bà H cung cấp, bà H cũng đã có văn bản trình bày về xuất xứ của các tài liệu đó. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự các tài liệu trên được xem là chứng cứ của vụ án. Các chứng cứ này đã được công khai, ông N đã biết nhưng không có ý kiến phản đối. Mặt khác, ông N không thừa nhận trẻ K là con nhưng lại từ chối đi giám định ADN cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh trẻ K không phải là con của ông.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà H yêu cầu xác định ông Đặng Bảo N là cha ruột của trẻ Đỗ Bảo K, sinh ngày 10/10/2016 là có cơ sở nên được chấp nhận. Bà H yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, yêu cầu này của bà H là phù hợp và đã được ông N đồng ý tại buổi hòa giải ngày 12/5/2017 nên được chấp nhận.

4. Về án phí:

Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí về xác định cha cho con là 200.000 đồng và án phí về cấp dưỡng nuôi con là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H.

2. Xác định ông Đặng Bảo N, sinh năm 1983 là cha ruột của trẻ Đỗ Bảo K, sinh ngày 10/10/2016.

Vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, ông Đặng Bảo N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Đỗ Bảo K 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); bắt đầu thực hiện từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông N phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng được xác định theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Đặng Bảo N phải chịu án phí 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng).

Hoàn lại cho bà Đỗ Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0003666 và AG/2014/0003667 cùng ngày 12/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ánh Loan